

BÀN VỀ VIỆC XÂY DỰNG KHU HỢP TÁC KINH TẾ BIÊN GIỚI MÓNG CÁI-ĐÔNG HƯNG

ThS. BÙI TUẤN ANH - Sở KHĐT Quảng Ninh

ThS. NGUYỄN ĐỨC THẮNG - Trường Đại học Mỏ-Địa chất

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia và khu vực ngày càng được quan tâm và sâu sắc hơn. Trong thời gian qua hai nước Việt-Trung đã không ngừng đẩy mạnh các hoạt động nhằm đưa mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa hai nước lên tầm cao mới. Điều đó được thể hiện trong các chương trình hợp tác như “Hành lang kinh tế”, “Ủy ban công tác liên hợp”,.... Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng có vị trí chiến lược, vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng trong mối quan hệ giữa hai nước Việt Trung. Việc xây dựng Khu hợp tác này là chủ trương lớn của đất nước, do đó cần phải nghiên cứu, xem xét kỹ trước khi quyết định. Bởi vì, đây là mô hình hợp tác mới trên thế giới chưa có tiền lệ.

Ngoài ra, Móng Cái là cửa ngõ của tỉnh Quảng Ninh - Tỉnh có nguồn khoáng sản than lớn có nhu cầu trao đổi với Trung Quốc. Vì vậy, việc hình thành Khu hợp tác này sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi để xuất khẩu than và nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị cần thiết cho quá trình khai thác và chế biến than.

1. Về thuận lợi

Cùng với sự tương đồng về văn hóa, Thành phố Móng Cái, Việt Nam và Thành phố Đông Hưng,, Trung Quốc đã có mối quan hệ hợp tác hữu nghị, đoàn kết từ rất lâu. Đặc biệt, sau khi Tổng Bí thư hai Đảng xác định xây dựng quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt-Trung”, hai thành phố Móng Cái và Đông Hưng đã có nhiều bước đột phá về quan hệ trên các lĩnh vực. Quyết định số 34/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Chính phủ Việt Nam phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020 đã có nội dung mang tính định hướng “Hợp tác với Trung Quốc xây dựng Khu thương mại tự do Móng Cái, phát triển các hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước và mở cửa, hội nhập mạnh với các nước ASEAN”.

Ngày 29/6/2010, Trung ương Đảng và Quốc Vụ Viện Trung Quốc đã xác định: “Tích cực xây dựng khu thí nghiệm phát triển mở cửa trọng điểm Đông Hưng Quảng Tây, Thụy Lệ Vân Nam, Mãn Châu Lý

Nội Mông Cổ”, đánh dấu việc xây dựng Khu thí nghiệm Đông Hưng phát triển mở cửa trọng điểm, chính thức nâng cấp thành chiến lược phát triển trọng điểm cấp nhà nước, trở thành khu thí điểm dẫn đầu phát triển mở cửa vùng biên giới.

2. Về thách thức

Việc xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng có được một nền tảng cơ sở vững chắc, được sự ủng hộ rất lớn của Chính phủ và địa phương hai nước. Tuy nhiên có thể thấy khái niệm “Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng” đã nói lên tính phức tạp và thách thức đem lại từ mô hình hợp tác này, đòi hỏi Chính phủ và nhân dân hai nước cần phải nghiên cứu xem xét kỹ trước khi quyết định, cụ thể:

❖ **Sự nhạy cảm của Khu hợp tác biên giới:** Về công tác cấm mốc biên giới trên bộ, hai nước Việt Trung cơ bản đã giải quyết được vấn đề này. Tuy nhiên việc xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng có liên quan trực tiếp tới chủ quyền của hai nước. Đây là vấn đề nhạy cảm và khó khăn, cần phải có sự bảo đảm bằng quan hệ chính trị hữu nghị và tin cậy lẫn nhau cao độ. Ngoài ra, vấn đề biên giới trên biển là một trong những vấn đề “nóng” giữa hai nước trong thời gian qua. Đây là một khó khăn trong xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới.

❖ **Sự khác biệt về cơ chế chính sách:** Chế độ chính sách kinh tế, pháp luật giữa hai nước có sự khác biệt. Các điểm khác biệt này đều khác so với chế độ chính sách hay yêu cầu đối với Khu hợp tác. Điều này tăng thêm khó khăn cho xây dựng Khu hợp tác kinh tế, đặc biệt là xây dựng một cơ chế hợp tác điều phối có hiệu quả.

❖ **Sự chênh lệch:** Không thể không thừa nhận sức mạnh kinh doanh của phía Trung Quốc là rất lớn, cùng với kinh nghiệm, kỹ năng thương mại quốc tế và hướng mạnh tới xuất khẩu là thách thức rất lớn cho phát triển của Việt Nam, đặc biệt là khu vực biên giới. Hàng hóa số lượng nhiều, chất lượng thấp và buôn bán tiểu ngạch là đặc trưng của phía Trung Quốc trong hoạt động kinh tế cửa khẩu, gây thiệt hại lớn tới

sản xuất của Trung Quốc và người tiêu dùng Việt Nam. Việt Nam có ít chủng loại hàng hóa, số lượng ít và chủ yếu ở dạng nguyên liệu thô để Trung Quốc nhập khẩu, trình độ, kinh nghiệm cùng kỹ năng hoạt động sản xuất và thương mại quốc tế còn hạn chế.

❖ **Tính phức tạp trong vận hành.** Khu hợp tác kinh tế biên giới không phải là Khu kinh tế đặc biệt, cũng không phải là hợp tác tiểu vùng hay hợp tác biên giới thuần túy. Tính đặc thù này làm cho Khu hợp tác biên giới đứng trước nhiều khó khăn. Nếu trình tự phức tạp quá sẽ tăng giá thành giao dịch, gò bó sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất, không thể hiện được tính lan tỏa trong xây dựng Khu hợp tác.

❖ **Hiệu ứng khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN.** Kể từ 2010, Trung Quốc sẽ thực hiện mức thuế quan bằng 0 % đối với 90 % sản phẩm của 10 nước ASEAN trong Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN. Tuy nhiên đối với các nước trong ASEAN lại không giống nhau. Đối với 6 nước ASEAN cũ thực hiện mức thuế quan 0 % đối với 90 % mặt hàng; còn lại 4 nước ASEAN mới phải đến năm 2015 mới thực hiện. Khu mậu dịch tự do sau khi thực hiện mức thuế quan 0 %, sản phẩm giá cao trong nước sẽ được thay thế bởi sản phẩm giá thấp của các nước thành viên, nhập khẩu từ các nước thành viên sẽ tăng lên, từ đó tạo ra mậu dịch mới. Do vậy, xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do sẽ vượt ra khỏi giới hạn của không gian chính sách, các hiệu ứng chính sách thuế... sẽ được bù đắp bằng mức thuế 0 %.

3. Vấn đề đặt ra đối với Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đồng Hưng

Mục đích chính của Chính phủ hai nước Việt Trung trong việc triển khai xây dựng các Khu hợp tác kinh tế biên giới trong đó có Khu hợp tác kinh tế Biên giới Móng Cái- Đồng Hưng là nhằm đẩy mạnh việc thực thi chính sách hợp tác của Đảng và chính quyền hai nước Việt Trung; nâng cao Kim ngạch xuất nhập khẩu và giao lưu du khách hai nước; nâng cao khả năng cạnh tranh trên cơ sở nâng cao chất lượng hàng hóa và trình độ nhân lực; cải thiện kết cấu hạ tầng khu vực biên giới; Đảm bảo quốc phòng an ninh chính trị và củng cố tình hữu nghị hai quốc gia.

Tuy nhiên hiện tại việc triển khai xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới này mới chỉ có điều kiện cần mà lại chưa có điều kiện đủ, điều này phần nào cũng được thể hiện thông qua tình hình trao đổi kinh tế, thương mại của hai nước Việt Trung trong thời gian qua:

❖ **Sự gia tăng giá trị và sự giảm xuống của tốc độ tăng trưởng đối với kim ngạch xuất nhập khẩu.** Sự gia tăng giá trị XNK giữa hai quốc gia với

tốc độ cao và luôn vượt mốc đặt ra, trong đó có XNK qua các cửa khẩu trên biên giới đất liền. Tuy nhiên có sự giảm dần theo thời gian về tốc độ tăng trưởng kim ngạch XNK, từ 33,5 % (giai đoạn 1996-2000), giảm còn 25,5 % (giai đoạn 2001-2005) và xuống còn 23,7 % (giai đoạn 2006-2009).

❖ **Thâm hụt thương mại theo thời gian của Việt Nam tăng mạnh:** Vì tăng trưởng giá trị Xuất khẩu giảm dần, từ 33,5 % (giai đoạn 1996-2000), xuống 16 % (giai đoạn 2001-2005), chỉ còn 11,0 % (giai đoạn 2006-2009), trong khi giá trị tăng Nhập khẩu của Trung Quốc vào Việt Nam thay đổi không đáng kể, từ 33,6 %, gần như không thay đổi còn 33,3 % và giảm không nhiều bằng 29,2 % trong cùng giai đoạn.

❖ **Hạn chế chính sách kinh tế cửa khẩu:** thiếu nhất quán, chưa theo kịp tiến trình cải cách, mở cửa của đất nước và thiếu thực tiễn tại cửa khẩu nên chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế so sánh lại hay thay đổi, bị động, khiến doanh nghiệp, nhân dân luôn bị thiệt thòi. Mặt khác, quản lý nhà nước trong kinh tế cửa khẩu còn bất cập, nhiều yếu kém, đặc biệt ở cấp địa phương khiến tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại diễn biến ngày càng phức tạp.

Tại Hội nghị Ủy ban công tác liên hợp lần 3 tổ chức tại Hà Nội ngày 10/9/2010, các tỉnh thành phố đã thống nhất: "Từ kết quả triển khai Khu hợp tác kinh tế biên giới Đồng Đăng-Bàng Tường, các bên kiến nghị hai Chính phủ nghiên cứu hình thành các khu hợp tác kinh tế biên giới giữa Quảng Tây với tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh khác". Thực tế cho thấy Khu hợp tác kinh tế biên giới Đồng Đăng-Bàng Tường đang được triển khai xây dựng, tuy nhiên phía Việt Nam và Trung Quốc vẫn chưa thực sự cùng nhau phối hợp nghiên cứu hiện trường và chưa có những bước đi thích hợp. Phía Trung Quốc xây dựng nhanh, phía Việt Nam chậm hơn, hai bên không có sự phối hợp thực sự trong quy hoạch, điều đó thể hiện trong việc phía Trung Quốc đã đơn phương thay đổi quy hoạch xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới Đồng Đăng-Bàng Tường mà không tuân theo quy hoạch hai bên đã thống nhất. Đây thực sự là một vấn đề mà Chính phủ hai nước Việt Trung, đặc biệt là phía Việt Nam cần phải nghiên cứu xem xét quyết định trước khi triển khai xây dựng các Khu hợp tác kinh tế khác.

Mặt khác dưới góc độ nghiên cứu, đây là một vấn đề hết sức phức tạp và mới mẻ, tuy nhiên phía Việt Nam chúng ta chưa thực sự có đầu tư thích đáng và nghiên cứu bài bản cũng như chưa có được sự tài trợ, hỗ trợ nghiên cứu từ các tổ chức quốc tế. Trong khi đó phía Trung Quốc ngoài việc được Chính phủ đầu tư quan tâm, còn nhận được tài trợ với số tiền là 2 triệu USD từ tổ chức UNDP để nghiên cứu xây dựng các Khu hợp tác kinh tế biên giới. Đây là một trong những trở ngại và hạn chế từ phía Việt Nam.

Ngoài ra, hiệu quả thực sự đem lại từ việc xây dựng Khu hợp tác kinh tế Móng Cái-Đông Hưng đối với hai nước Việt Trung cũng hết sức quan trọng. Theo sự phân tích của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thì hiệu quả từ việc xây dựng Khu hợp tác này đối với hai nước Việt-Trung là rất lớn (Bảng 1).

Bảng 1.

Lợi thế phía Việt Nam	Lợi thế phía Trung Quốc
Tài nguyên	Bảo đảm cung ứng điện lực
Đất đai	Kỹ thuật và nhân viên quản lý kỹ thuật
Lao động	Khả năng đồng bộ về sản xuất và hậu cần
Thị trường: Quốc nội, ASEAN và quốc tế	Thị trường quốc nội
Chính sách ưu tiên,...	Chính sách ưu tiên,...

Bảng 1 cho thấy lợi ích lớn nhất của phía Trung Quốc là việc có được thị trường Việt Nam, ASEAN và quốc tế. Sản phẩm sản xuất tại Việt Nam trong Khu hợp tác kinh tế biên giới có thể sử dụng chứng nhận xuất xứ "Sản xuất tại Việt Nam" để đi vào thị trường Việt Nam, thị trường ASEAN và thị trường thế giới thuận lợi hơn là sử dụng chứng nhận xuất xứ "Sản xuất tại Trung Quốc". Thực tế cho thấy, việc xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới chủ yếu phục vụ mục tiêu hợp tác, trao đổi kinh tế, thương mại, du lịch giữa Việt Nam và Trung Quốc sau đó là các nước ASEAN. Vì hàng hóa và du khách của Trung Quốc đi tới các nước ASEAN dễ dàng, kinh tế hơn. Ngoài ra, Tỉnh Quảng Ninh sẽ có khả năng tăng cường quan hệ với các đối tác Trung Quốc về xuất nhập khẩu khoáng sản và các mặt hàng liên quan đến hoạt động khoáng sản như là một thế mạnh của tỉnh. Hiệu quả của Khu hợp tác kinh tế nhờ đó sẽ được gia tăng thêm. Vì vậy nên cần nhắc kỹ về hiệu quả nhiều mặt (kể cả hiệu quả về khoáng sản) trước khi xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới.

4. Kết luận

Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng phải được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng, độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng hợp tác cùng có lợi, tuân thủ các Hiệp định, hiệp ước đã ký kết và pháp luật hai nước. Trên cơ sở Khu hợp tác "Hai hành lang một vành đai" mà Chính phủ hai nước đã xác định, phát huy tính tích cực và chủ động của chính quyền hai địa phương; vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khuyến khích sự tích cực tham gia của các doanh nghiệp; kiên trì phát triển khoa học kỹ thuật, thu hút công nghệ cao, chú ý phát triển kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, hợp tác cùng nhau bảo vệ môi trường, duy trì tốc độ phát triển nhanh bền vững.

Trước mắt việc xây dựng Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái-Đông Hưng thuận lợi là rất lớn, tuy nhiên không phải là không có những khó khăn, đặc biệt khái niệm Khu hợp tác kinh tế biên giới còn là một khái niệm tương đối mới, đây chưa phải là mô hình phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc triển khai xây dựng khu hợp tác rất cần những đóng góp, nghiên cứu sâu của các chuyên gia, học giả đối với công tác xây dựng mô hình quản lý và chính sách hợp tác của cả hai bên.

Mặt khác Khu hợp tác kinh tế biên giới là chiến lược quốc gia giữa hai nước Việt Trung song thực hiện cụ thể là do chính quyền địa phương. Vì vậy có thể nảy sinh mâu thuẫn trong các bước quyết sách và chấp hành, ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng Khu hợp tác. Hai nước nên có cơ chế chính sách phù hợp giải quyết vấn đề về quyền hạn hoặc phân quyền cho địa phương để có thể phát huy tính tích cực và chủ động của chính quyền địa phương nhằm thúc đẩy được việc xây dựng Khu hợp tác.

Trước khi triển khai xây dựng cần phải nghiên cứu tìm hiểu rõ tiềm năng, lợi thế và cơ hội, thách thức đối với việc xây dựng khu kinh tế biên giới có xét đến đặc thù phát triển kinh tế hai bên biên giới, tập trung không chỉ vào các trở ngại, thuận lợi rõ ràng, dễ thấy mà còn phải xét đến những vấn đề thế mạnh của hai bên Việt Trung. Đối Tỉnh Quảng Ninh, sự hình thành Khu hợp tác kinh tế biên giới phải xét tới cả các vấn đề liên quan tới hoạt động khai thác, kinh doanh than. Đây là một vấn đề then chốt cần nghiên cứu luận giải. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỷ yếu Hội thảo về xây dựng thí điểm Khu hợp tác kinh tế biên giới Móng Cái (Việt Nam) và Đông Hưng (Trung Quốc), tháng 5/2009
2. Kỷ yếu Diễn đàn hợp tác phát triển và mở cửa vùng biên giới tại Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc ngày 30/10/2010.
3. Kỷ yếu hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh-Việt Nam và Vân Nam-Trung Quốc lần thứ VI.
4. Hoàng Sỹ Động. Bài phát biểu tại Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế lần thứ VI ngày 25/11/2010. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2010.

Người biên tập: Trần Văn Trạch

SUMMARY

The paper shows some problems forming economical corporation zone on the Móng Cái-Đông Hưng border line between Vietnam and China.